

Số: 11/2022/QĐST-DS

Y, ngày 20 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 7, Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vĩnh C, sinh năm 1940

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947

Cùng trú tại: Xóm 13A (nay là xóm P), xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Vĩnh V, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm 13A (nay là xóm P), xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Vĩnh S, sinh năm 1968

Bà Trần Thị Y, sinh năm 1966

Cùng trú tại: Xóm 13A (nay là xóm P), xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh C, bà Nguyễn Thị H, bị đơn anh Nguyễn Vĩnh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vĩnh S, bà Trần Thị Y thống nhất thoả thuận:

Chia quyền sử dụng đất tại thửa số 803, tờ bản đồ số 09, diện tích 1795 m²

(trong đó đất ở 300 m², đất TCLN 1495 m²) tại xóm 13 A (nay là xóm P), xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Y, Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2012, số vào sổ GCN: CH03604. Sổ bìa BK 416710 mang tên Nguyễn Vĩnh C và Nguyễn Thị H (nay đã chuyển nhượng cho Nguyễn Vĩnh V trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số: 77/2016/ HĐCN ngày 22/9/2016) thành 2 phần.

Giao cho ông Nguyễn Vĩnh C và bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng chung phần đất ký hiệu 803B (thuộc phần đất phía Bắc của thửa đất 803), diện tích 176,2 m² (trong đó 100 m² đất ở; 76,2 m² đất trồng cây lâu năm) tương ứng với giá trị là 352.400.000 đồng và tài sản gắn liền với đất (01 căn nhà cấp 4 hướng Đông Nam) tương ứng với giá trị 100.000.000 đồng được giới hạn bởi các điểm 17, 18, 19, 20 tứ cận, kích thước như sau: Phía Đông Bắc giáp đường có kích thước 27,98 m; phía Đông Nam giáp đường 4,44 m; phía Tây Bắc giáp phần đất anh Nguyễn Vĩnh V được giao có chiều dài 18,67 m; phía Tây Nam giáp mương có chiều dài 26,06 m. (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho anh Nguyễn Vĩnh V được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu 803A (thuộc phần đất phía Nam của thửa đất 803), diện tích 1618,5 m² (trong đó 200 m² đất ở; 1418,5 m² đất trồng cây lâu năm) tương ứng với giá trị 3.327.000.000 đồng và tài sản gắn liền với đất (01 căn nhà cấp 4 hướng Đông Bắc và 01 căn nhà cấp 4 chắn mái hướng Đông Bắc) tương ứng với giá trị 200.000.000 đồng được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 1 tứ cận, kích thước như sau: Phía Bắc đất lúa có chiều dài các đoạn 2, 43 m + 3,68 m + 3,12 m + 4,48 m + 3,26 m + 3,10 m + 4,38 m + 8,52 m + 4,52 m + 5,28 m + 1,08 m + 1,79 m + 0,78 m + 9,22 m + 7,06 m; phía Đông giáp đường có chiều dài 37,41 m; phía nam giáp phần đất ông Nguyễn Vĩnh C và bà Nguyễn Thị H được giao có chiều dài 18,67 m; phía Tây giáp mương có chiều dài 59,81 m. (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Vĩnh C, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Vĩnh V có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được chia nêu trên.

Anh Nguyễn Vĩnh V được nhận phần đất có diện tích nhiều hơn nên có nghĩa vụ trích lại cho ông Nguyễn Vĩnh C và bà Nguyễn Thị H số tiền 325.000.000 đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Vĩnh C, bà Nguyễn Thị H là người Co tuổi được miễn án phí. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Vĩnh C, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm

ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo biên lai thu tiền số: 0011190 ngày 25/3/2022. Anh Nguyễn Vĩnh V chịu 48.020.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị được hưởng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Nhung

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).